TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Quốc Đạt

2. Ông Đặng Thiều Quang

- *Thư ký phiên toà:* Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thu ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 397/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐ-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hồ Thị N, sinh năm 1990 - Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Trằm, xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1989 - Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Trằm, xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N1 được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Hưng vào ngày 30/01/2012. Anh chị được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh N1 làm dâu và chung sống cùng gia đình anh N1 tại thôn Trằm, xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang. Đến năm 2015 thì vợ chồng chị N xây nhà ở riêng trên đất của bố mẹ chồng . Thời gian đầu vợ

chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 thì vợ chồng chị nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh N1 chơi bời, không chịu tu chí làm ăn, chơi cờ bạc nợ nần nhiều. Gia đình hai bên khuyên bảo anh N1 nhiều lần nhưng anh N1 không thay đổi, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị đã làm đơn ly hôn lên Tòa án nhiều lần nhưng rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ cho anh N1 cơ hội, nhưng đến nay anh N1 không thay đổi. Từ giữa năm 2022, chị và anh N1 sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa . Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn N1.

- Về con chung: Quá trình chung sống, giữa chị và anh N1 có 03 con chung là Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày 22/02/2012; Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 01/01/2014; Nguyễn Tiến Trọng, sinh ngày 27/7/2015. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hiện các cháu có sức khỏe tốt, phát triển bình thường. Bản thân chị hiện nay đang đi làm công ty cổ phần may BGG Lạng Giang , thu nhập bình quân khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn N1 trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý, triệu tập đến làm việc, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa song anh N1 không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án. Anh N1 tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa.

* Tại Biên bản xác minh ngày 04/01/2023 của Tòa án với chính quyền địa phương thì đại diện chính quyền địa phương cho biết: Chị N, anh N1 là công dân sinh sống tại địa phương, anh chị có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống, địa phương cũng nắm được vợ chồng chị N anh N1 có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N1 chơi bời, cờ bạc, rượu chè. Hiện nay anh N1 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương , đi làm nghề lái xe thi thoảng mới về nhà xong lại đi Ny, chị N thì làm Công ty May ở xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang. Giữa chị N và anh N1 có 03 con chung Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày 22/02/2012; Nguyễn Thị Yến Nhi , sinh ngày 01/01/2014; Nguyễn Tiến Trọng, sinh ngày 27/7/2015. Chị N là người trực tiếp trông nom , chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Việc chị N khởi kiện xin ly hôn anh N1 và giải quyết về con chung ra Tòa án, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tòa án làm việc với ông Nguyễn Quang Sơn là bố đẻ của anh Nguyễn Văn N1, ông Sơn cho biết như sau: Anh N1 và chị N được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Nghĩa Hưng và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Quá trình anh N1 và chị N sinh sống cùng nhau có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N1 có chơi bời, gia đình có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N1 không thay đổi. Giữa anh N1 và chị N có 03 con chung là Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày 22/02/2012; Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 01/01/2014; Nguyễn Tiến Trọng, sinh ngày 27/7/2015. Nay chị N làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh N1 và giải quyết con chung thì gia đình không có ý kiến gì vì việc ly hôn là của anh N1, chị N tự quyết định.

* Quá trình giải quyết vụ án con chị N và anh N1 là các cháu Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày 22/02/2012; Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 01/01/2014; Nguyễn Tiến Trọng, sinh ngày 27/7/2015 đều có ý kiến trình bày: Hiện nay các cháu đang ở cùng nhà với bố mẹ. Các cháu có biết bố mẹ đang làm thủ tục ly hôn tại Toà án, các cháu không muốn bố mẹ cháu ly hôn, nhưng nếu bố mẹ vẫn ly hôn, các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do. Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của thư ký đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ. Đối với bị đơn đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, HĐXX căn cứ Điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, kiểm sát viên đã phân tích đánh giá thực trạng mâu thuẫn của chị N, anh N1 đã trầm trọng, kéo dài, đến nay vợ chồng không thể chung sống đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N và anh N1 ly hôn. Về con chung, đề nghị giao 03 cháu Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày 22/02/2012; Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 01/01/2014 và Nguyễn Tiến Trọng, sinh ngày 27/7/2015 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu Toà án giải quyết. Về phân chia tài sản chung, chị N không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị N thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt,bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh N1 kết hôn năm 2012 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu; đăng ký kết hôn tại UBND Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, qua xác minh với chính quyền địa phương và gia đình anh N1 thì thấy cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị N xác định do anh N1 hay chơi bời, cờ bạc, không tu chí làm ăn nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Từ giữa năm 2022 tì vợ chồng sống ly thân, bản thân chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng, bản thân anh N1 không đến Tòa án làm việc. Mặc dù không có lời khai của anh N1, song xét tình trạng mâu thuẫn giữa chị N và anh N1 đã trầm trọng, kéo dài, chị N kiên quyết xin ly hôn, HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn anh N1.

[3]. Về con chung: Chị N và anh N1 có 03 con chung là Nguyễn Thị Trà My, sinh ngày 22/02/2012; Nguyễn Thị Y ến Nhi, sinh ngày 01/01/2014 và Nguyễn Tiến Trọng, sinh ngày 27/7/2015. Hiện nay các cháu được chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung. Quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập anh N1 đến làm việc nhưng anh N1 không đến Tòa án làm việc, không có bản trình bày quan điểm hay ý kiến của anh về nội dung vụ án. Tòa án có nhận được 03 Đơn trình bày nguyện vọng của các cháu trình bày : nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của các cháu muốn được ở với chị N. Hội đồng xét xử thấy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, cũng như để ổn định, không gây xáo trộn cuộc sống của các cháu cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Hồ Thị N được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục 03 con chung là Nguyễn Thị Trà My , sinh ngày 22/02/2012; Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 01/01/2014 và Nguyễn Tiến Trọng, sinh ngày 27/7/2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm

nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không yêu cầu anh N1 phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn N1.

2. Về nuôi con chung: Giao cả 03 con chung Nguyễn Thị Trà My , sinh ngày 22/02/2012; Nguyễn Thị Yến Nhi, sinh ngày 01/01/2014 và Nguyễn Tiến Trọng, sinh ngày 27/7/2015 cho chị Hồ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn N1 không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh N1 thực hiện quyền này.

Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Hồ Thị N phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013190

ngày 18/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị N đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh N1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Nghĩa Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thiêm